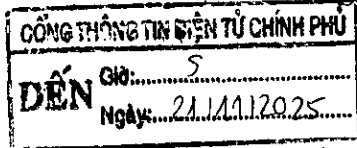


TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2542/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt một số nhiệm vụ, giải pháp tăng cường hội nhập quốc tế
trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng giai đoạn đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật
ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa
ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực
hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về
đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW
ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn đo
lường chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt một số nhiệm vụ, giải pháp tăng cường hội nhập quốc tế
trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (TCĐLCL) giai đoạn đến
năm 2030 với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực TCĐLCL theo hướng chủ động, toàn diện, thực chất, linh hoạt và phù hợp với năng lực quốc gia; coi hội nhập quốc tế về TCĐLCL là một cấu phần quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm, Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI-National Quality Infrastructure) làm nền tảng, chuyển đổi số là động lực, góp phần rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển.

b) Phát triển Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI-National Quality Infrastructure) theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp thông lệ quốc tế, gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, hỗ trợ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh tại các thị trường quốc tế, góp phần gia tăng giá trị xuất khẩu và uy tín thương hiệu Việt Nam; cải thiện thứ hạng NQI của Việt Nam trên các bảng xếp hạng khu vực và toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Xây dựng, công bố và áp dụng ít nhất 100 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) mới phục vụ các nhóm công nghệ chiến lược, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế.

b) Tỷ lệ tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hài hòa với tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế đạt tối thiểu 75%.

c) Duy trì hệ thống chuẩn đo lường quốc gia với tối thiểu 60 chuẩn liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế (SI); mở rộng danh mục năng lực đo và hiệu chuẩn (CMC) được công nhận trong khuôn khổ thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (CIPM-MRA) phục vụ xuất khẩu, sản phẩm công nghệ chiến lược và hội nhập kỹ thuật.

d) Tối thiểu 80% kết quả đánh giá sự phù hợp được quốc tế thừa nhận thông qua các thỏa thuận công nhận đa phương (MLA) và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA); thúc đẩy ký kết các MRA song phương trong lĩnh vực thử nghiệm, chứng nhận hoặc đo lường với các thị trường xuất khẩu trọng điểm, nhằm giảm rào cản kỹ thuật trong thương mại và thúc đẩy xuất khẩu.

đ) Tất cả (100%) các tổ chức đánh giá sự phù hợp trọng điểm (công lập và ngoài công lập) được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC và các hướng dẫn của IAF/ILAC/APAC, có đủ năng lực phục vụ đánh giá sự phù hợp, hỗ trợ xuất khẩu sang các thị trường trọng điểm của Việt Nam và đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước.

e) NQI gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và mô hình quản lý tiên tiến, thuộc nhóm 45 quốc gia dẫn đầu thế giới trong xếp hạng Chỉ số hạ tầng chất lượng toàn cầu (Global Infrastructure Index - GII).

g) Đảm nhiệm vai trò chủ trì, đồng chủ trì, thư ký từ 01 đến 02 Ủy ban kỹ thuật hoặc nhóm công tác của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế trong các lĩnh vực ưu tiên mà Việt Nam có lợi thế; tham gia với tư cách là thành viên chính thức của Văn phòng Cân Đo Quốc tế (BIPM); tham gia đầy đủ 12/12 Ban kỹ thuật của Chương trình Đo lường khu vực Châu Á Thái Bình Dương (APMP), tham gia với tư cách là Trưởng ban Ban kỹ thuật của ít nhất 01 Ban kỹ thuật; tham gia ít nhất 03/18 Ban kỹ thuật của Tổ chức Đo lường Pháp định Quốc tế (OIML); tham gia ít nhất 04/6 nhóm công tác của Diễn đàn Đo lường Châu Á Thái Bình Dương (APLMF).

h) Đào tạo và thu hút được tối thiểu 300 chuyên gia lĩnh vực TCĐLCL tham gia các hoạt động TCĐLCL trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, pháp luật về TCĐLCL phù hợp hội nhập quốc tế

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về TCĐLCL, bảo đảm đồng bộ, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh quốc gia.

2. Tăng cường năng lực, chủ động tham gia và đề xuất tiêu chuẩn quốc tế

a) Đẩy mạnh hài hòa TCVN với tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn khu vực trong các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt chú trọng phát triển các tiêu chuẩn của công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược. Hợp tác với chuyên gia quốc tế để xây dựng và đề xuất các tổ chức quốc tế có uy tín ban hành từ 2 đến 3 tiêu chuẩn quốc tế mới do Việt Nam chủ trì.

b) Chủ động, tích cực tham gia, nâng cao vai trò của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế và khu vực về TCĐLCL mà Việt Nam là thành viên, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, đóng góp chuyên môn tại các hội nghị, diễn đàn kỹ thuật quốc tế.

c) Hỗ trợ tổ chức, chuyên gia Việt Nam trong việc chủ trì nghiên cứu, đề xuất dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng và đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho cán bộ, chuyên gia tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

3. Hoàn thiện hạ tầng đo lường quốc gia đạt chuẩn quốc tế

a) Phát triển hạ tầng kỹ thuật đo lường đồng bộ, thống nhất từ trung ương đến địa phương và các ngành, lĩnh vực.

b) Nâng cấp, đầu tư mới hệ thống chuẩn đo lường quốc gia theo hướng tiên tiến, hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực. Đầu tư và đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực đo và hiệu chuẩn (CMC) của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về đo lường, bảo đảm được quốc tế thừa nhận.

c) Tham gia các chương trình so sánh liên phòng ở cấp quốc tế và khu vực. Mở rộng hợp tác song phương với các viện đo lường quốc gia của các nước phát triển và các tổ chức quốc tế về đo lường công nghiệp để nghiên cứu, xây dựng phương pháp đo, phép đo, chuẩn đo lường và chất chuẩn.

d) Xây dựng, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định pháp luật các cơ chế đãi ngộ vượt trội đối với nhân viên kỹ thuật, chuyên gia kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ xây dựng, duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia.

4. Nâng cao năng lực các tổ chức công nhận

a) Nâng cao vị thế của Việt Nam trong các tổ chức công nhận khu vực và quốc tế (IAF, ILAC, APAC), chủ động phối hợp các tổ chức này trong hoạt động đánh giá chéo, nhằm nâng chuẩn năng lực các tổ chức công nhận của Việt Nam.

b) Tham gia đầy đủ các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MLA/MRA); thiết lập cơ chế giám sát định kỳ bảo đảm duy trì năng lực theo yêu cầu quốc tế.

c) Chuẩn hóa và số hóa hệ thống quản lý, quy trình công nhận theo ISO/IEC 17011 và các hướng dẫn của các tổ chức IAF, ILAC, APAC; ứng dụng nền tảng quản lý hồ sơ trực tuyến, giảm thời gian đánh giá; nâng cấp, đầu tư mới hệ thống trang thiết bị, phần mềm hỗ trợ đánh giá từ xa và phân tích dữ liệu.

d) Mở rộng lĩnh vực công nhận, ưu tiên ngành hàng xuất khẩu trọng điểm. Đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ chuyên gia đánh giá công nhận về kỹ thuật, công nghệ mới và tiêu chuẩn quốc tế.

đ) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định pháp luật các cơ chế hỗ trợ tài chính, ưu đãi tín dụng để nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế và các công nghệ mới để áp dụng cho các tổ chức công nhận.

5. Nâng cao năng lực các tổ chức đánh giá sự phù hợp

a) Phát triển hệ thống tổ chức đánh giá sự phù hợp đạt chuẩn quốc tế (ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO/IEC 17021, ISO/IEC 17065...).

b) Nâng cấp, đầu tư mới hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đo lường, thử nghiệm, kiểm định hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, truy xuất nguồn gốc, chia sẻ dữ liệu liên quan đến hoạt động đánh giá sự phù hợp.

c) Tăng số lượng và nâng cao năng lực các phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận trong các lĩnh vực ưu tiên xuất khẩu, bảo vệ sức khỏe và môi trường. Tham gia mạng lưới phòng thử nghiệm, giám định quốc tế, đẩy mạnh trao đổi chuyên gia với các đối tác nước ngoài, triển khai hiệu quả hoạt động hợp tác, đánh giá liên quốc gia.

d) Nâng cao năng lực công nhận trong nước để kết quả đánh giá sự phù hợp được chấp nhận rộng rãi ở thị trường quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tiếp cận dịch vụ đánh giá sự phù hợp đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm tiết kiệm chi phí tuân thủ và thời gian đưa sản phẩm ra thị trường.

đ) Xã hội hóa dịch vụ đánh giá sự phù hợp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đầu tư, đồng thời bảo đảm giám sát chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế và quy định của pháp luật.

6. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao về TCĐLCL

a) Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo nhân lực TCĐLCL, chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế, viện, trường, doanh nghiệp để tận dụng nguồn lực chuyên gia, tài chính và cơ hội đào tạo, nâng cao trình độ; khuyến khích chuyên gia Việt Nam tích cực tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực TCĐLCL.

b) Định kỳ cử công chức, viên chức và kỹ thuật viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm tại viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế và khu vực có uy tín trong lĩnh vực TCĐLCL, nhằm cập nhật kiến thức, phương pháp và công nghệ mới.

c) Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia kỹ thuật trình độ cao, có đủ năng lực đảm nhiệm vai trò chủ chốt tại các ban kỹ thuật, các nhóm công tác quốc tế, cũng như trở thành chuyên gia tư vấn, chuyên gia trung gian hỗ trợ doanh nghiệp đạt chuẩn quốc tế, có khả năng cung cấp dịch vụ cho các đối tác nước ngoài trong khu vực và toàn cầu.

d) Phát triển các cơ sở đào tạo chất lượng cao trong nước về TCĐLCL; đưa các chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, cấp chứng chỉ được công nhận toàn cầu vào chương trình giảng dạy của các trường đại học và cơ sở đào tạo chuyên ngành.

đ) Đẩy mạnh việc xây dựng và triển khai các chương trình tuyển chọn, đào tạo và cử chuyên gia Việt Nam tham gia các ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế trong các lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt khuyến khích đội ngũ đến từ trường đại học, viện nghiên cứu, hiệp hội và doanh nghiệp có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và khả năng hội nhập quốc tế.

7. Tăng cường chuyển đổi số trong lĩnh vực TCĐLCL

a) Vận hành hiệu quả các nền tảng số dùng chung trong lĩnh vực TCĐLCL, kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin của các tổ chức quốc tế và quốc gia đối tác, phục vụ thu thập, phân tích dữ liệu và hội nhập quốc tế.

b) Phát triển nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong ứng dụng mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, nhãn điện tử, hộ chiếu số sản phẩm, góp phần nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường quốc tế cho sản phẩm Việt Nam.

c) Đẩy mạnh việc cung cấp trực tuyến thông tin về chính sách, pháp luật và hoạt động của lĩnh vực TCĐLCL, tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế tra cứu, đánh giá, xếp hạng các chỉ số liên quan đến Việt Nam.

d) Cung cấp, chia sẻ trực tuyến thông tin quốc tế về xu hướng tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật và rào cản kỹ thuật thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam chủ động đáp ứng yêu cầu khi xuất khẩu.

8. Nâng cao nhận thức và truyền thông hội nhập quốc tế về TCĐLCL

a) Đẩy mạnh truyền thông và quảng bá thương hiệu “Chất lượng Việt Nam” tại các hội chợ quốc tế, diễn đàn thương mại lớn nhằm nâng cao hình ảnh quốc gia, uy tín và năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề và biên soạn tài liệu hướng dẫn về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực TCĐLCL và rào cản kỹ thuật thương mại (Technical Barriers to Trade - TBT) cho các bộ, ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp.

c) Thiết lập cơ chế cập nhật, chia sẻ thông tin song phương về rào cản kỹ thuật thương mại với các đầu mối có liên quan của các quốc gia và tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhằm bảo đảm trao đổi, cảnh báo và hài hòa quy định kỹ thuật trong thương mại quốc tế.

9. Đầu tư phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI)

a) Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực ngân sách nhà nước cho hoạt động TCĐLCL; thiết lập cơ chế hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và tư vấn theo mô hình hợp tác công - tư (PPP) nhằm nâng cao năng lực kỹ thuật và thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa mang thương hiệu Việt Nam.

b) Thu hút và quản lý hiệu quả nguồn vốn ODA và hỗ trợ quốc tế, tận dụng các chương trình hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực TCĐLCL.

c) Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư cho lĩnh vực TCĐLCL theo quy định pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao tại Quyết định này.

b) Hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Quyết định này.

c) Ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm để thực hiện.

2. Bộ Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với phần chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Quyết định này phù hợp quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

3. Các bộ, cơ quan và địa phương

a) Căn cứ tình hình cụ thể và chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, chủ động xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ trong tổ chức thực hiện; kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền và đề xuất các giải pháp xử lý, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

4. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội, hiệp hội ngành hàng

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai các hoạt động truyền thông, cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước trong hoạt động xúc tiến thương mại, kịp thời nắm bắt các xu hướng, quy định về tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật và rào cản kỹ thuật thương mại của thị trường quốc tế để chủ động đáp ứng khi xuất khẩu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục: TH, KTTH, CN, NN, ĐMDN, KSTT;
- Lưu: VT, KGVX (2).

16

